

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2024/DS-ST
Ngày: 08-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Bùi Mạnh Quyết

2/ Ông Trần Văn Nhị.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thường Ân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2024/TLST-DS, ngày 25/01/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐST-DS, ngày 21/3/2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh C, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C là: Ông Võ Bảo T, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Bảo T, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang (chồng bà C).

(Ông T, bà T1 có đơn xin giải quyết vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh C và lời trình bày của người đại diện là ông Võ Bảo T trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Bà C và bà Nguyễn Thị Thu T1 (tên thường gọi là Nguyễn Thị Thu S) buôn bán cùng chợ, kế bên nhau. Năm 2022, bà T1 có vay của bà C 50.000.000 đồng, không lãi suất, không làm giấy vay tiền. Khi vay, bà T1 hẹn hai tháng sẽ trả nhưng không thực hiện.

Tính đến ngày 08/5/2023, bà T1 có trả cho bà C nhiều lần được 11.500.000 đồng (không nhớ ngày tháng cụ thể). Bà T1 có viết giấy tay chốt lại còn nợ bà C là 38.500.000 đồng. Không nhớ ngày, tháng, năm nào, bà T1 có trả thêm nhiều lần cho bà C được 4.800.000 đồng (trả lắt nhắt mỗi lần 50.000 đồng, 100.000 đồng, 200.000 đồng). Đến nay, bà T1 còn nợ bà C 33.700.000 đồng và không trả tiền cho bà C nữa.

Bà C có khởi kiện ra Ủy ban nhân dân xã M thì chốt lại bà T1 đã trả cho bà C được tổng cộng là 16.300.000 đồng, còn nợ 33.700.000 đồng. Bà T1 xin trả dần nợ 500.000 đồng/ 1 tháng nhưng bà C không đồng ý.

Nay bà C khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T1 trả 33.700.000 đồng, không yêu cầu lãi suất. Việc bà T1 vay tiền của bà C không liên quan đến người thứ ba nào khác.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T1 trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Bà thừa nhận còn nợ bà C 33.700.000 đồng của khoản vay ngày 08/5/2023. Do bà có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, buôn bán không đủ trang trải cuộc sống, phải một mình nuôi con đang học đại học nên xin trả dần nợ mỗi tháng 500.000 đồng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Bảo T trình bày suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:* Ông là chồng của bà C. Ông thống nhất với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh C. Ông không có yêu cầu nào khác.

Tòa án tiến hành thụ lý và hòa giải nhưng không thành.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử, đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà C buộc

bà T1 trả 33.700.000 đồng. Về lãi suất: Bà C không yêu cầu bà T1 trả tiền lãi của số tiền vay là sự tự nguyện nên ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Minh C với bà Nguyễn Thị Thu T1 là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật Dân sự. Căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Các đương sự có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh C đòi bà Nguyễn Thị Thu T1 số tiền 33.700.000 đồng:

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào Giấy tay mượn tiền ngày 08/5/2023, Biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã M và lời khai của bà T1 tại Biên bản về việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 21/3/2024 xác định bà T1 (tên thường gọi S) có vay của bà C (tên thường gọi T2) số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 08/5/2023.

Bà C và người đại diện của bà C cho rằng bà T1 đã trả cho bà C được 16.300.000 đồng, còn nợ 33.700.000 đồng. Bà T1 đã thừa nhận còn nợ bà C 33.700.000 đồng chưa trả xong. Như vậy, bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ của người vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do đó, có cơ sở buộc bà T1 trả cho bà C số tiền 33.700.000 đồng.

[2.3] Về lãi suất: Bà C không yêu cầu bà T1 trả lãi suất cho khoản tiền vay là có lợi cho bà T1 và phù hợp đạo đức xã hội, quy định pháp luật nên được ghi nhận.

[2.4] Về việc trả dần nợ: Bà T1 xin trả dần nợ mỗi tháng 500.000 đồng nhưng bà C không đồng ý và pháp luật không có quy định cho trả dần, nên yêu cầu xin trả dần nợ của bà T1 không được chấp nhận.

Từ các phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bà **T1** phải chịu 1.685.000 đồng án phí. Bà **C** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại 850.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp cho bà **C**.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 147, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị Minh C** đối với bà **Nguyễn Thị Thu T1** về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà **Nguyễn Thị Thu T1** phải có nghĩa vụ trả cho bà **Nguyễn Thị Minh C** số tiền 33.700.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà **Nguyễn Thị Thu T1** phải chịu 1.685.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà **Nguyễn Thị Minh C** không phải chịu án phí. **H** lại cho bà **Nguyễn Thị Minh C** số tiền 850.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008144, ngày 25/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An.

3/ Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án được quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành dân sự án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu AV, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mỹ Phượng